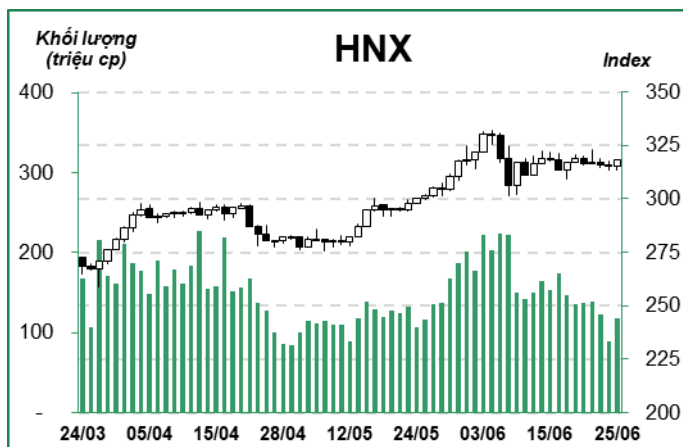
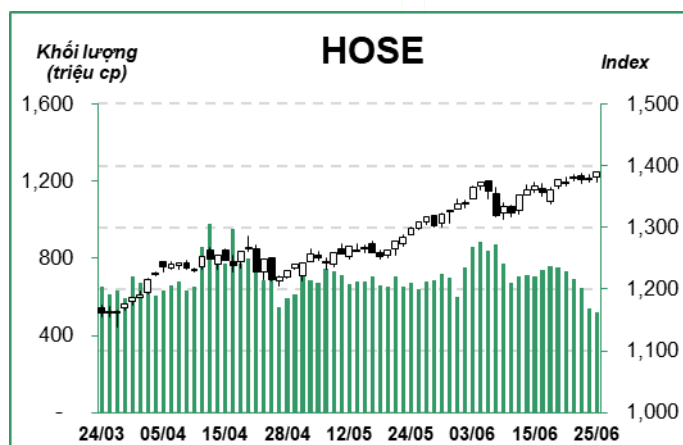


## Tổng quan thị trường

25/06/2021	HOSE		VN30		HNX	
	Giá trị	Thay đổi %	Giá trị	Thay đổi %	Giá trị	Thay đổi %
<b>Giá trị đóng cửa</b>	<b>1,390.12</b>	<b>0.75%</b>	<b>1,500.30</b>	<b>0.90%</b>	<b>318.22</b>	<b>1.00%</b>
Cuối tuần trước	1,377.77	0.90%	1,481.30	1.28%	318.73	-0.16%
Trung bình 20 ngày	1,361.64	2.09%	1,480.51	1.34%	317.58	0.20%
<b>Tổng KLGĐ (triệu cp)</b>	<b>598.11</b>	<b>1.07%</b>	<b>199.47</b>	<b>6.25%</b>	<b>118.26</b>	<b>27.42%</b>
<b>KLGĐ khớp lệnh</b>	<b>518.60</b>	<b>-3.62%</b>	<b>180.21</b>	<b>2.83%</b>	<b>117.56</b>	<b>31.32%</b>
Trung bình 20 ngày	729.77	-28.94%	249.74	-27.84%	158.47	-25.81%
<b>Tổng GTGD (tỷ đồng)</b>	<b>19,127.60</b>	<b>3.48%</b>	<b>10,439.93</b>	<b>9.22%</b>	<b>2,937.76</b>	<b>35.91%</b>
<b>GTGD khớp lệnh</b>	<b>16,669.80</b>	<b>-0.02%</b>	<b>9,380.71</b>	<b>4.65%</b>	<b>2,909.72</b>	<b>45.43%</b>
Trung bình 20 ngày	22,751.09	-26.73%	12,701.93	-26.15%	3,737.86	-22.16%
		<b>Tỷ trọng</b>		<b>Tỷ trọng</b>		<b>Tỷ trọng</b>
<b>Số mã tăng</b>	223	51%	20	67%	120	33%
<b>Số mã giảm</b>	147	34%	7	23%	87	24%
<b>Số mã đứng giá</b>	65	15%	3	10%	159	43%



Thị trường chứng khoán có phiên tăng điểm khởi sắc trong phiên ngày thứ 6 với tâm điểm đến từ nhóm cổ phiếu chứng khoán. Kéo theo đó là nhiều nhóm ngành cũng đồng thuận tăng điểm trở lại giúp các chỉ số chính đồng loạt đóng cửa ở mức cao nhất trong phiên.

Trên sàn HoSE, VN-Index thiết lập đỉnh lịch sử mới tại mức 1,390.12 điểm (+0.75%). KLGĐ khớp lệnh đạt 518.6 triệu cổ phiếu (-3.6%), tương đương 16,670 tỷ đồng giá trị (-0.02%). Độ rộng thị trường nghiêng về bên mua với 223 mã tăng/147 mã giảm.

Mặc dù thanh khoản trên sàn không tăng, dòng tiền tập trung nhiều vào nhóm chứng khoán. Đặc biệt là một số cổ phiếu tăng trần như Chứng khoán SSI-SSI (+7.0%), Chứng khoán TPHCM-HCM (+7.0%), Chứng khoán FPT-FTS (+6.9%). Bên cạnh đó, một số cổ phiếu Bluechips cũng góp phần dẫn dắt VN-Index đi lên trong hôm nay như Vietcombank-VCB (+1.7%), Novaland-NVL (+3.6%), PV Gas-GAS (+2.3%), BĐS Phát Đạt-PDR (+6.7%). Ở chiều ngược lại, Ngân hàng Thương mại Quốc tế-VIB (-1.8%), VPBank-VPB (-0.6%), Vincom Retail-VRE (-1.3%), Mía đường Thành Thành Công - Biên Hòa-SBT (-2.3%) có tác động tiêu cực nhất đến chỉ số.

Khối ngoại tiếp tục có động thái mua ròng trên sàn HoSE, với giá trị mua ròng đạt 82.1 tỷ đồng (-55.2%). Trong đó, Vinhomes-VHM (+86.4 tỷ), Vietcombank-VCB (+83.7 tỷ), Vingroup-VIC (+75.6 tỷ) là những cổ phiếu được mua ròng nhiều nhất. Trái lại, khối này bán ròng Hòa Phát-HPG (-175.4 tỷ), MBBank-MBB (-64.6 tỷ) và VPBank-VPB (-55.8 tỷ).

Trên sàn HNX, chỉ số HNX-Index cũng đóng cửa lên mức cao nhất phiên tại 318.22 điểm (+1.00%). Thanh khoản phục hồi đáng kể so với phiên hôm qua, tuy nhiên vẫn thấp hơn so với

## Giao dịch thỏa thuận

Mã CK	Khối lượng ('000 cp)	GTGD (tỷ đồng)
<b>HOSE</b>		
LPB	20,040.2	549.10
NVL	4,000.0	473.75
STB	12,486.3	380.85
FUEVFNVD	4,798.1	119.93
HHS	14,800.0	110.11
SAM	9,374.4	91.39
VCB	633.2	70.07
VPB	600.0	41.40
EIB	1,504.0	40.83
HPG	774.0	39.16
<b>HNX</b>		
SHS	378.4	14.38
NTP	160.0	8.27
VCS	25.0	2.42
VNR	44.9	1.32
SHB	50.1	1.22

mức trung bình. KLGD khớp lệnh đạt 117.6 triệu cổ phiếu (+31.3%), tương đương 2,909.7 tỷ đồng giá trị (+45.4%).

Sắc xanh cũng lan tỏa đến nhiều nhóm ngành trên sàn HNX, đặc biệt là sự sôi động của nhóm cổ phiếu chứng khoán với các cổ phiếu tăng tốt như Chứng khoán VNDIRECT-VND (+5.4%), Chứng khoán MB-MBS (+5.8%), Chứng khoán Sài Gòn Hà Nội -SHS (+4.6%), Chứng khoán Everest-EVS (+9.8%). Bên cạnh đó, Vicostone-VCS (+6.5%), Dầu khí PTSC-PVS (+2.7%), Bảo hiểm PVI-PVI (+3.8%) cũng ghi nhận mức tăng khá tích cực. Ở chiều ngược lại, áp lực điều chỉnh chỉ đến từ một số cổ phiếu có mức thanh khoản không cao như Nhựa Đồng Nai-DNP (-6.1%), Ngân hàng Bắc Á-BAB (-0.4%), Xi măng Bim Sơn-BCC (-4.2%) hay Khoáng sản Hà Giang-HGM (-9.6%).

Khối ngoại bán ròng 6.7 tỷ đồng (+31.7%) trên sàn HNX trong phiên hôm nay. Với lực bán tập trung chủ yếu ở nhóm cổ phiếu ngành chứng khoán như Chứng khoán VNDIRECT-VND (-15.1 tỷ), Chứng khoán Sài Gòn Hà Nội -SHS (-2.3 tỷ), Chứng khoán Bảo Việt-BVS (-1.0 tỷ). Trong khi đó, những cổ phiếu được mua ròng bởi khối ngoại là Thaiholdings-THD (+5.0 tỷ), Vicostone-VCS (+2.9 tỷ), Tập đoàn PAN-PAN (+2.5 tỷ).

Theo quan điểm kỹ thuật, VN Index có phiên tăng điểm thứ hai liên tiếp. Khối lượng giao dịch tiếp tục suy giảm về mức thấp hơn bình quân 10 và 20 phiên, hàm ý áp lực bán không quá mạnh. Không những vậy, xu hướng tăng đang tiếp diễn, khi chỉ số duy trì đóng cửa trên MA5, cùng với chùm MA 5, 10, 20 ở trạng thái phân kỳ dương tích cực cho tín hiệu xác nhận xu hướng tăng hiện tại. Thêm vào đó, các chỉ báo kỹ thuật khác đang cho tín hiệu củng cố đà tăng, với RSI hướng lên vùng 67 kèm theo đường ADX nằm trên vùng 24 và đường +DI nói rộng khoản cách lên phía trên so với -DI, cho thấy chỉ số đứng trước cơ hội tiến lên thử thách ngưỡng kháng cự gần quanh vùng tâm lý 1,400 điểm và xa hơn là vùng tâm lý 1,500 điểm. Đối với sàn Hà Nội, HNX Index có diễn biến tương tự. Chỉ số có phiên tăng điểm trở lại và thoát khỏi áp lực từ MA20, kèm theo khối lượng giao dịch gia tăng, cho thấy chỉ số vẫn còn cơ hội giữ được xu hướng tăng và hướng lên thử thách lại ngưỡng đỉnh cũ 330 điểm. Nhìn chung, thị trường đang có cơ hội duy trì đà tăng và hướng lên thử thách các ngưỡng kháng cự cao hơn. Do đó, nhà đầu tư có thể tiếp tục nắm giữ các cổ phiếu có cơ bản tốt, dự báo kết quả kinh doanh quý 2 tăng trưởng và đang hút được dòng tiền mạnh.

## Thông kê top 5 cổ phiếu giao dịch khớp lệnh

### HOSE

#### Top 5 tăng giá

Mã CK	Giá đóng cửa ('000)	KLGD ('000 CP)	Thay đổi (%)
HVX	5.1	19.6	7.0%
VOS	8.4	3,554.3	7.0%
SSI	53.7	23,685.0	7.0%
HCM	48.4	9,558.2	7.0%
TNT	9.4	834.7	6.9%

#### Top 5 giảm giá

Mã CK	Giá đóng cửa ('000)	KLGD ('000 CP)	Thay đổi (%)
GMC	32.7	3.3	-7.0%
SMA	8.7	0.1	-7.0%
TTE	8.7	0.1	-6.4%
NVT	9.5	5.3	-4.1%
NAV	18.0	0.1	-3.5%

#### Top 5 giá trị

Mã CK	Giá đóng cửa ('000)	Giá trị (tỷ đồng)	Thay đổi (%)
HPG	50.7	1,358.2	0.2%
SSI	53.7	1,235.9	7.0%
NVL	119.1	891.1	3.6%
STB	29.5	834.3	1.7%
VPB	68.2	796.5	-0.6%

#### Top 5 khối lượng

Mã CK	Giá đóng cửa ('000)	KLGD ('000 CP)	Thay đổi (%)
STB	29.5	28,059.0	1.7%
FLC	14.0	27,412.8	0.0%
HPG	50.7	26,965.2	0.2%
LPB	29.5	24,356.3	0.2%
SSI	53.7	23,685.0	7.0%

### HNX

#### Top 5 tăng giá

Mã CK	Giá đóng cửa ('000)	KLGD ('000 CP)	Thay đổi (%)
VSM	17.6	5.0	10.0%
VGP	48.4	0.8	10.0%
CAN	31.9	0.1	10.0%
HTP	23.2	318.8	10.0%
VXB	8.9	6.0	9.9%

#### Top 5 giảm giá

Mã CK	Giá đóng cửa ('000)	KLGD ('000 CP)	Thay đổi (%)
SDU	9.0	0.9	-10.0%
HGM	33.0	0.1	-9.6%
DVG	12.3	186.1	-9.6%
THS	19.3	0.9	-9.4%
PEN	8.0	0.1	-9.1%

#### Top 5 giá trị

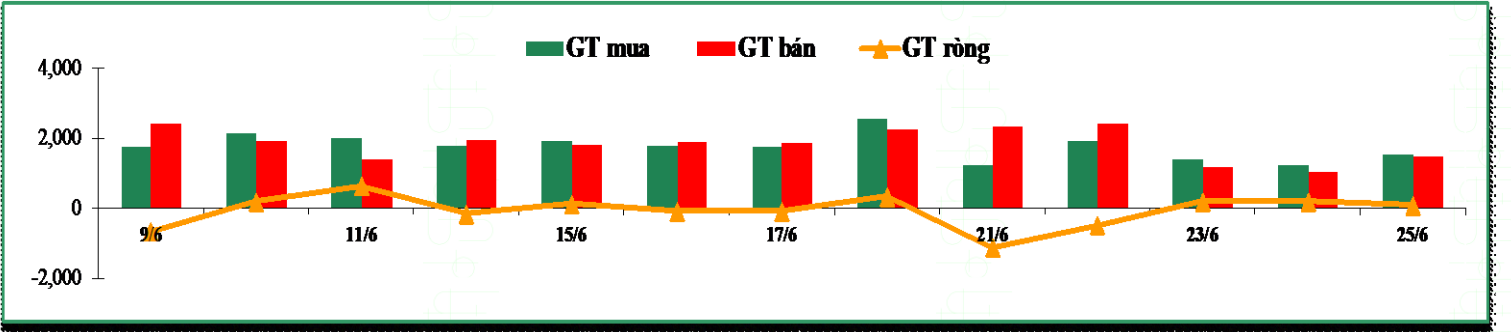
Mã CK	Giá đóng cửa ('000)	Giá trị (tỷ đồng)	Thay đổi (%)
VND	45.0	459.5	5.4%
SHS	43.4	412.1	4.6%
SHB	27.1	406.1	0.4%
PVS	30.3	304.4	2.7%
NVB	19.0	162.4	0.5%

#### Top 5 khối lượng

Mã CK	Giá đóng cửa ('000)	KLGD ('000 CP)	Thay đổi (%)
SHB	27.1	15,082.7	0.4%
VND	45.0	10,503.8	5.4%
PVS	30.3	10,204.6	2.7%
SHS	43.4	9,724.3	4.6%
NVB	19.0	8,654.4	0.5%

## Giao dịch nhà đầu tư nước ngoài

Sàn GD	GT Mua	% Thị trường	GT Bán	% Thị trường	Mua-Bán
HOSE	1,537.2	8.0%	1,455.1	7.6%	82.1
HNX	20.5	0.7%	27.2	0.9%	-6.7
<b>Tổng số</b>	<b>1,557.7</b>		<b>1,482.3</b>		<b>75.4</b>



### HOSE

#### Top 5 mua nhiều nhất

Mã CK	Giá đóng cửa ('000)	Giá trị (tỷ đồng)	Thay đổi (%)
NVL	119.1	365.3	3.6%
VCB	112.6	116.5	1.7%
VHM	112.1	109.8	0.0%
VIC	117.5	106.3	0.0%
HPG	50.7	84.5	0.2%

#### Top 5 bán nhiều nhất

Mã CK	Giá đóng cửa ('000)	Giá trị (tỷ đồng)	Thay đổi (%)
NVL	119.1	370.7	3.6%
HPG	50.7	259.9	0.2%
MBB	42.1	108.0	0.2%
FUEVFVND	25.1	97.3	-0.5%
VRE	31.6	59.0	-1.3%

#### Top 5 mua ròng

Mã CK	Giá đóng cửa ('000)	Giá trị (tỷ đồng)	Thay đổi (%)
VHM	112.1	86.4	0.0%
VCB	112.6	83.7	1.7%
VIC	117.5	75.6	0.0%
GAS	98.0	61.3	2.3%
VNM	89.7	37.2	1.1%

### HNX

#### Top 5 mua nhiều nhất

Mã CK	Giá đóng cửa ('000)	Giá trị (tỷ đồng)	Thay đổi (%)
THD	200.0	5.0	0.3%
VCS	110.0	3.6	6.5%
PAN	27.9	2.5	2.6%
PVI	41.5	2.0	3.8%
NTP	52.5	1.0	1.5%

#### Top 5 bán nhiều nhất

Mã CK	Giá đóng cửa ('000)	Giá trị (tỷ đồng)	Thay đổi (%)
VND	45.0	15.6	5.4%
SHS	43.4	2.4	4.6%
BVS	30.5	1.6	6.6%
SHE	17.2	1.0	0.6%
HUT	8.3	0.9	-1.2%

#### Top 5 mua ròng

Mã CK	Giá đóng cửa ('000)	Giá trị (tỷ đồng)	Thay đổi (%)
THD	200.0	5.0	0.3%
VCS	110.0	2.9	6.5%
PAN	27.9	2.5	2.6%
PVI	41.5	1.9	3.8%
NTP	52.5	0.9	1.5%

## Tin trong nước

### **TP HCM thông qua kế hoạch đầu tư công gần 687.000 tỷ đồng cho giai đoạn 2021-2025**

Cụ thể, trong tờ trình của UBND thành phố, dự kiến phương án bố trí vốn cho kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025 đối với phần vốn được Thủ tướng thông báo tại Công văn số 419 là gần 14.000 tỷ đồng.

Trong đó, có 6.957 tỷ đồng cho bốn dự án tại thành phố từ nguồn vốn từ ngân sách trung ương trong nước và gần 6.986 tỷ đồng từ nguồn vốn ngân sách nước ngoài được UBND thành phố dự kiến bố trí cho bảy dự án chuyển tiếp từ giai đoạn 2016-2020.

Về kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025 từ nguồn vốn ngân sách địa phương, qua rà soát, tổng nhu cầu vốn của TP HCM dự kiến là gần 672.862 tỷ đồng để thực hiện mục tiêu, định hướng phát triển theo Nghị quyết Đại hội đại biểu Đảng bộ TP HCM lần thứ 11 (nhiệm kỳ 2020-2025).

Trong đó, nhu cầu vốn đề xuất cân đối từ nguồn bội chi ngân sách thành phố là hơn 38.788 tỷ đồng và nhu cầu vốn đề xuất cân đối từ ngân sách TP HCM là 634.073 tỷ đồng.

Như vậy, trong giai đoạn 2021-2025, TP HCM thực hiện hơn 5.664 dự án và nhu cầu vốn đầu tư gần 687.000 tỷ từ nguồn vốn ngân sách Trung ương và địa phương.

### **Thị trường trái phiếu doanh nghiệp tăng trưởng chậm lại**

Ngân hàng Phát triển châu Á (ADB) trong báo cáo mới nhất cho biết, thị trường trái phiếu bằng đồng nội tệ của Việt Nam quý I/2021 đã giảm 0,3% so với quý trước, do lượng trái phiếu chính phủ đang lưu hành sụt giảm.

Tuy nhiên so với 3 tháng đầu 2020, thị trường trái phiếu đã tăng 19%, nhờ vào trái phiếu doanh nghiệp tăng hơn gấp đôi trong cùng thời kỳ.

Tại Việt Nam, trái phiếu bằng VND bao gồm khoảng 82% trái phiếu chính phủ và gần 18% trái phiếu doanh nghiệp.

ADB đánh giá một lượng lớn trái phiếu đến hạn, và phát hành trái phiếu thấp hơn khiến cho trái phiếu chính phủ giảm 1,1% so với quý trước, xuống còn hơn 58 tỷ USD vào cuối tháng 3.

Trái phiếu doanh nghiệp ghi nhận tăng trưởng chậm lại, đạt tốc độ 3,3% so với quý trước và gần 155% so với cùng kỳ năm ngoái. Thị trường này ước đạt 12,7 tỷ USD vào cuối quý I.

Theo báo cáo, thị trường trái phiếu bằng đồng nội tệ của khu vực Đông Á mới nổi đạt 20,3 nghìn tỷ USD vào cuối tháng 3 năm nay. Trong đó, trái phiếu chính phủ đạt 12,6 nghìn tỷ USD, chiếm gần 62% tổng lượng trái phiếu.

Khu vực này bao gồm Trung Quốc, Hồng Kông, Indonesia, Hàn Quốc, Malaysia, Philippines, Singapore, Thái Lan và Việt Nam.



## Tin doanh nghiệp niêm yết

### **Lợi nhuận MWG tiếp tục tăng trong tháng 5**

Đầu tư Thế Giới Di Động (HoSE: MWG) thông báo doanh thu thuần 5 tháng đạt 51.830 tỷ đồng, tăng 9% và thực hiện 41% kế hoạch năm. Lợi nhuận sau thuế 2.172 tỷ đồng, tăng 26% và thực hiện 46% kế hoạch năm.

Riêng tháng 5, doanh thu thuần đạt hơn 11.380 tỷ đồng, lãi sau thuế 481 tỷ đồng; lần lượt tăng 10% và 26% so với cùng kỳ năm trước. Kết quả này đáng ghi nhận khi cuối tháng 5, hơn 630 cửa hàng TGDD/ ĐMX nằm trong khu vực phong tỏa và giãn cách xã hội phải đóng cửa hoặc hạn chế bán hàng.

Trong cơ cấu doanh thu 5 tháng, Điện Máy Xanh (ĐMX) vẫn đóng góp doanh thu lớn nhất chiếm tỷ trọng 53,4% nhưng chỉ tăng trưởng 1%, Thế Giới Di Động (TGDD) đóng góp 25,8% và tăng 8%, Bánh Hóa Xanh (BHX) đóng góp 20,5% và tăng 36%, chuỗi Bluetronics có mức tăng trưởng ấn tượng nhất 260% nhưng tỷ trọng không đáng kể 0,3%.

Tính đến 31/5, BHX có tổng cộng 1.851 điểm bán tại 25 tỉnh thành, tăng thêm 48 cửa hàng trong tháng 5.

### **Họp ĐHĐCĐ GVR: Kế hoạch đầu tư hơn 2.600 tỷ đồng, thoái vốn thu về khoảng 350 tỷ đồng năm nay**

Sáng nay 25/6, Tập đoàn Công nghiệp Cao su Việt Nam – CTCP (HoSE: GVR) tổ chức đại hội cổ đông thường niên trực tiếp và thông qua livestream.

### **2021 vẫn là một năm khó, kế hoạch lợi nhuận giảm 10% dù doanh thu tăng**

Đại hội đã thông qua kế hoạch kinh doanh năm 2021 với doanh thu 26.914 tỷ đồng, tăng 4% nhưng lợi nhuận dự kiến thấp hơn 10% so với năm ngoái đạt 4.564 tỷ đồng.

### **Tăng mạnh đầu tư, tự tin kế hoạch chuyển đất khu công nghiệp**

Cũng tại đại hội, GVR đã đưa ra kế hoạch phát triển giai đoạn 5 năm 2021-2025, tầm nhìn đến năm 2030, với mục tiêu tăng trưởng hơn 50% tổng lợi nhuận. Trong đó, tập đoàn định hướng giảm diện tích đất trồng cao su từ hơn 402.000 ha hiện nay xuống còn khoảng 300.000 ha trong vòng 5-10 năm tới.

Theo ông Phạm Văn Thành, hiện nay tập đoàn đang triển khai dự án mở rộng khu công nghiệp Nam Tân Uyên, khu công nghiệp Rạch Bắc, khu công nghiệp Tân Bình (Bình Dương), khu công nghiệp Minh Hưng, Bắc Đồng Phú (Bình Phước), riêng khu công nghiệp Hiệp Thạnh (Tây Ninh) quy mô 500 ha đang hoàn chỉnh thủ tục. Tại Đồng Nai, GVR có các dự án khu công nghiệp Long Khánh, Dầu Giây mở rộng, đang xin thủ tục đầu tư khu công nghiệp Cẩm Mỹ nhưng dự kiến phải đến 2022- 2023 mới triển khai được. Tại khu vực Tây Nguyên, GVR đang triển khai khu công nghiệp Nam Pleiku 300 ha, và làm việc với một số tỉnh để triển khai vài cụm công nghiệp trên khu vực với diện tích mỗi cụm 50 đến 70 ha.

## Cổ phiếu khuyến nghị trong ngày

STT	Mã CK	Khuyến nghị	Ngày khuyến nghị	Giá hiện tại	Giá thực hiện	LN/Lỗ hiện tại	Giá mục tiêu	LN dự kiến	Giá cắt lỗ	Lỗ dự kiến	Ghi chú
1	SBT	Bán	28/06/21	20.9	21.1	-0.9%	24	13.7%	20.4	-3.3%	Phục hồi thất bại

## Danh mục cổ phiếu quan sát

STT	Mã CK	Khuyến nghị	Ngày khuyến nghị	Giá hiện tại	Hỗ trợ / Kháng cự	Tín hiệu kỹ thuật
1	HDB	Quan sát mua	28/06/21	35.3	38.1	Nến tăng cô đặc thoát nền tích lũy quanh MA20 -> có cơ hội quay lại xu hướng tăng nếu vượt đỉnh cũ 36.2
2	SHS	Quan sát mua	28/06/21	43.4	53.4	Nến tăng cô đặc thoát nền tích lũy + khối lượng gia tăng cho thấy dòng tiền hướng tới -> có cơ hội quay lại xu hướng tăng nếu vượt đỉnh cũ 44.6
3	BVS	Quan sát mua	28/06/21	30.5	33	Nến tăng cô đặc thoát nền tích lũy quanh MA20 + khối lượng giao dịch gia tăng tích cực -> có cơ hội tiến lên thử thách ngưỡng đỉnh cũ 33

## Danh mục cổ phiếu đã khuyến nghị

STT	Mã CK	Khuyến nghị	Ngày khuyến nghị	Giá hiện tại	Giá thực hiện	LN/Lỗ hiện tại	Giá mục tiêu	LN dự kiến	Giá cắt lỗ	Lỗ dự kiến	Ghi chú
1	VSC	Nắm giữ	28/04/21	59.5	49.9	19.2%	66	32.3%	47	-6%	
2	PVS	Nắm giữ	19/05/21	30.3	21.8	39.0%	31.3	43.6%	20.5	-6%	
3	VRE	Mua	10/06/21	31.6	31.7	-0.3%	36	14%	30	-5%	

Bản tin này được cung cấp bởi Phòng phân tích – CTCP chứng khoán Phú Hưng. Tất cả những thông tin đều được thu thập từ các nguồn đáng tin cậy. Tuy nhiên do thị trường chứng khoán còn chịu ảnh hưởng bởi nhiều nhân tố phức tạp và khó dự báo nên quý nhà đầu tư cần tự chịu trách nhiệm về các hoạt động đầu tư của mình.

4	KBC	Mua	15/06/21	39	35.4	10.2%	42	19%	33.3	-6%
5	VCS	Mua	16/06/21	110	103.7	6.1%	122	18%	97.8	-6%
6	POW	Mua	18/06/21	12.15	12.4	-2.0%	14.3	15%	11.7	-6%
7	VNM	Mua	21/06/21	89.7	92.1	-2.6%	101.5	10%	88.6	-4%
8	CTG	Mua	23/06/21	53.8	51.9	3.7%	58.2	12%	49.4	-5%

## Danh mục chứng quyền có đảm bảo

Mã chứng quyền	Thống kê giao dịch chứng quyền ngày 25/06/2021									Thông tin chứng quyền				
	Giá phát hành (VND)	Giá đóng cửa (VND)	Tăng/giảm trong ngày (%)	Tăng/giảm so với giá phát hành (%)	KL chứng quyền khớp lệnh	Số ngày tới hạn	Giá CKCS (VND)	Giá chứng quyền mua lý thuyết (VND)	Chênh lệch so với giá đóng cửa	CTCKPH	CKCS	Giá thực hiện quyền (VND)	Tỷ lệ chuyển đổi n:1	Ngày đáo hạn
CFPT2101	1,500	3,920	4.8%	161%	12,110	10	85,200	4,061	141	MBS	FPT	64,120	5.2	05/07/2021
CHDB2101	1,000	3,550	6.6%	255%	9,780	89	35,300	1,118	(2,432)	KIS	HDB	29,890	5.0	22/09/2021
CHPG2020	5,700	41,000	2.5%	619%	80	5	50,700	45,137	4,137	VND	HPG	19,110	0.7	30/06/2021
CHPG2101	1,050	8,210	-1.1%	682%	8,590	89	50,700	5,659	(2,551)	KIS	HPG	34,470	2.9	22/09/2021
CHPG2102	6,600	27,400	-2.1%	315%	3,430	10	50,700	29,397	1,997	ACBS	HPG	30,140	0.7	05/07/2021
CHPG2103	3,900	12,850	-2.7%	229%	9,050	11	50,700	13,227	377	VND	HPG	30,880	1.5	06/07/2021
CHPG2104	1,500	8,100	3.6%	440%	27,580	10	50,700	8,082	(18)	MBS	HPG	32,940	2.2	05/07/2021
CHPG2105	3,000	15,860	-0.4%	429%	9,280	45	50,700	13,268	(2,592)	HCM	HPG	30,880	1.5	09/08/2021
CHPG2106	4,100	12,200	1.7%	198%	6,430	63	50,700	9,284	(2,916)	MBS	HPG	36,910	1.5	27/08/2021
CHPG2107	1,300	4,940	-1.0%	280%	24,180	48	50,700	1,939	(3,001)	KIS	HPG	43,650	3.7	12/08/2021
CHPG2108	1,200	4,800	-1.6%	300%	26,990	48	50,700	1,923	(2,877)	KIS	HPG	43,710	3.7	12/08/2021
CKDH2002	1,600	3,700	2.8%	131%	4,460	52	37,100	3,424	(276)	KIS	KDH	24,850	3.6	16/08/2021
CKDH2101	1,000	2,850	0.0%	185%	2,830	89	37,100	1,547	(1,303)	KIS	KDH	30,300	4.5	22/09/2021

Bản tin này được cung cấp bởi Phòng phân tích – CTCP chứng khoán Phú Hưng. Tất cả những thông tin đều được thu thập từ các nguồn đáng tin cậy. Tuy nhiên do thị trường chứng khoán còn chịu ảnh hưởng bởi nhiều nhân tố phức tạp và khó dự báo nên quý nhà đầu tư cần tự chịu trách nhiệm về các hoạt động đầu tư của mình.



CKDH2102	2,800	5,100	2.0%	82%	7,040	49	37,100	4,951	(149)	MBS	KDH	28,270	1.8	13/08/2021
CMBB2101	1,600	7,580	-0.5%	374%	19,380	11	42,100	8,058	478	VND	MBB	26,000	2.0	06/07/2021
CMBB2102	1,200	3,390	2.4%	183%	9,560	48	42,100	773	(2,617)	KIS	MBB	34,470	10.0	12/08/2021
CMSN2101	1,050	2,680	0.0%	155%	590	89	106,400	406	(2,274)	KIS	MSN	100,000	20.0	22/09/2021
CMSN2102	1,000	2,440	-1.2%	144%	3,180	89	106,400	107	(2,333)	KIS	MSN	111,110	20.0	22/09/2021
CMSN2103	3,000	4,900	-2.4%	63%	4,940	49	106,400	3,109	(1,791)	MBS	MSN	88,000	6.0	13/08/2021
CMWG2013	12,000	25,820	3.2%	115%	10	5	143,700	24,529	(1,291)	VND	MWG	94,670	2.0	30/06/2021
CMWG2101	2,400	2,700	-1.8%	13%	4,680	11	143,700	2,678	(22)	VND	MWG	117,000	10.0	06/07/2021
CMWG2102	3,000	6,010	0.2%	100%	5,310	38	143,700	4,794	(1,216)	VCI	MWG	120,000	5.0	02/08/2021
CMWG2103	1,900	1,500	-6.3%	-21%	11,910	10	143,700	1,528	28	MBS	MWG	128,500	10.0	05/07/2021
CMWG2104	2,400	6,900	1.5%	188%	12,800	(95)	143,700	(149)	(7,049)	ACBS	MWG	135,000	10.0	22/03/2021
CMWG2105	2,950	4,010	0.3%	36%	3,080	63	143,700	1,600	(2,410)	MBS	MWG	131,500	8.0	27/08/2021
CNVL2101	1,000	5,530	4.5%	453%	26,500	89	119,100	5,347	(183)	KIS	NVL	56,840	11.7	22/09/2021
CNVL2102	1,100	3,860	7.2%	251%	34,250	94	119,100	2,117	(1,743)	KIS	NVL	94,640	11.8	27/09/2021
CPDR2101	1,100	4,610	18.2%	319%	33,840	63	95,000	1,370	(3,240)	KIS	PDR	88,890	5.0	27/08/2021
CPDR2102	1,100	5,190	16.4%	372%	26,930	94	95,000	1,534	(3,656)	KIS	PDR	89,000	5.0	27/09/2021
CPNJ2101	1,700	2,000	-4.3%	18%	14,330	11	97,400	2,040	40	VND	PNJ	77,250	9.9	06/07/2021
CPNJ2102	2,000	4,600	0.0%	130%	15,950	38	97,400	3,669	(931)	VCI	PNJ	79,230	5.0	02/08/2021
CREE2101	2,300	2,200	-2.7%	-4%	17,920	11	56,500	2,133	(67)	VND	REE	48,000	4.0	06/07/2021
CSBT2101	1,100	2,510	0.4%	128%	2,500	89	20,900	10	(2,500)	KIS	SBT	24,670	5.0	22/09/2021
CSTB2101	1,000	6,100	-2.4%	510%	3,650	89	29,500	3,808	(2,292)	KIS	STB	22,000	2.0	22/09/2021
CSTB2103	1,400	7,290	2.4%	421%	7,820	45	29,500	5,774	(1,516)	HCM	STB	18,000	2.0	09/08/2021
CSTB2104	4,000	10,100	1.0%	153%	2,910	63	29,500	6,685	(3,415)	MBS	STB	22,900	1.0	27/08/2021
CTCB2012	5,400	29,430	0.4%	445%	4,000	35	51,600	29,645	215	SSI	TCB	22,000	1.0	30/07/2021
CTCB2101	5,000	24,000	0.4%	380%	2,380	102	51,600	20,785	(3,215)	ACBS	TCB	31,000	1.0	05/10/2021
CTCB2102	2,300	7,260	0.6%	216%	15,030	11	51,600	7,812	552	VND	TCB	36,000	2.0	06/07/2021
CTCB2103	2,900	9,190	1.8%	217%	6,900	45	51,600	8,097	(1,093)	HCM	TCB	35,500	2.0	09/08/2021
CTCB2104	2,000	7,160	1.9%	258%	3,660	63	51,600	2,996	(4,164)	MBS	TCB	45,800	2.0	27/08/2021
CTCH2003	1,600	1,620	-9.0%	1%	12,780	52	22,050	33	(1,587)	KIS	TCH	23,410	3.9	16/08/2021
CTCH2101	1,000	2,520	-3.1%	152%	1,840	89	22,050	76	(2,444)	KIS	TCH	24,060	3.9	22/09/2021
CTCH2102	2,750	1,980	-5.7%	-28%	7,690	49	22,050	4	(1,976)	MBS	TCH	25,000	2.0	13/08/2021
CTCH2103	1,200	1,450	-2.7%	21%	9,470	48	22,050	(0)	(1,450)	KIS	TCH	31,670	4.0	12/08/2021
CVHM2101	1,100	2,930	1.0%	166%	590	89	112,100	440	(2,490)	KIS	VHM	106,890	16.0	22/09/2021
CVHM2102	1,900	2,500	0.0%	32%	12,900	11	112,100	2,516	16	VND	VHM	87,000	10.0	06/07/2021
CVHM2104	1,600	3,070	2.3%	92%	28,870	45	112,100	1,436	(1,634)	HCM	VHM	98,000	10.0	09/08/2021
CVHM2105	1,500	2,800	-6.0%	87%	5,490	49	112,100	881	(1,919)	MBS	VHM	105,500	8.0	13/08/2021

Bản tin này được cung cấp bởi Phòng phân tích – CTCP chứng khoán Phú Hưng. Tất cả những thông tin đều được thu thập từ các nguồn đáng tin cậy. Tuy nhiên do thị trường chứng khoán còn chịu ảnh hưởng bởi nhiều nhân tố phức tạp và khó dự báo nên quý nhà đầu tư cần tự chịu trách nhiệm về các hoạt động đầu tư của mình.

CVHM2106	1,300	3,180	-5.1%	145%	22,720	48	112,100	22	(3,158)	KIS	VHM	118,670	10.0	12/08/2021
CVIC2101	1,000	2,750	0.7%	175%	4,160	89	117,500	42	(2,708)	KIS	VIC	126,890	20.0	22/09/2021
CVIC2103	1,100	2,320	1.3%	111%	8,590	94	117,500	0	(2,320)	KIS	VIC	165,900	20.0	27/09/2021
CVNM2101	1,100	2,040	0.0%	85%	640	89	89,700	0	(2,040)	KIS	VNM	124,180	19.6	22/09/2021
CVNM2102	1,700	220	-15.4%	-87%	45,170	11	89,700	(0)	(220)	VND	VNM	107,650	9.8	06/07/2021
CVNM2104	1,480	2,300	4.6%	55%	7,570	80	89,700	4	(2,296)	MBS	VNM	101,730	9.9	13/09/2021
CVNM2105	1,100	1,740	1.8%	58%	12,640	94	89,700	0	(1,740)	KIS	VNM	117,930	19.8	27/09/2021
CVPB2015	5,600	42,610	-1.5%	661%	90	35	68,200	42,253	(357)	SSI	VPB	26,000	1.0	30/07/2021
CVPB2101	2,900	15,150	1.0%	422%	2,710	11	68,200	15,612	462	VND	VPB	37,000	2.0	06/07/2021
CVPB2103	2,700	16,000	-2.0%	493%	5,000	45	68,200	15,898	(102)	HCM	VPB	36,500	2.0	09/08/2021
CVPB2104	2,500	8,500	-1.2%	240%	3,310	63	68,200	6,460	(2,040)	MBS	VPB	49,000	3.0	27/08/2021
CVRE2013	5,000	5,970	-0.5%	19%	7,350	35	31,600	4,157	(1,813)	SSI	VRE	27,500	1.0	30/07/2021
CVRE2101	1,200	2,340	0.4%	95%	3,670	89	31,600	63	(2,277)	KIS	VRE	34,570	4.0	22/09/2021
CVRE2102	1,800	550	-16.7%	-69%	42,800	11	31,600	405	(145)	VND	VRE	30,000	4.0	06/07/2021
CVRE2103	1,300	1,500	-3.2%	15%	16,690	45	31,600	103	(1,397)	HCM	VRE	32,000	4.0	09/08/2021
CVRE2104	3,000	2,560	-5.2%	-15%	9,610	49	31,600	16	(2,544)	MBS	VRE	34,300	2.0	13/08/2021

## Cập nhật danh mục cổ phiếu phân tích

Mã CK	Sàn	Thị giá	Giá hợp lý*	Ngày ra báo cáo	Lợi nhuận 2021F (tỷ)	EPS 2021F	BV 2021F	ROE 2021F	ROA 2021F	PE 2021F	PB 2021F	Cổ tức dự kiến**	
KDC	(New)	HOSE	60,500	65,200	24/06/2021	510	1,800	32,806	7%	4%	37.1	2.8	6%
KDH	(New)	HOSE	37,100	37,950	16/06/2021	1,174	1,885	14,536	15%	9%	20.1	2.6	-
SZC	(New)	HOSE	38,200	44,400	15/06/2021	202	2,025	13,476	15%	3%	21.2	3.3	10%
GMD	(New)	HOSE	42,650	54,800	09/06/2021	541	1,794	22,180	8%	5%	12.8	1.0	0%
AAA	(New)	HOSE	18,500	21,500	07/06/2021	413	1,739	17,474	11%	5%	10.2	1.0	-
NLG		HOSE	38,500	43,800	31/05/2021	1,120	4,276	26,800	16%	9%	10.2	1.6	5%
VRE		HOSE	31,600	42,500	31/05/2021	2,603	1,419	11,745	9%	6%	35.5	3.6	-
VHM		HOSE	112,100	137,000	31/05/2021	34,194	10,223	42,470	36%	11%	13.4	4.2	-
PHR		HOSE	57,000	67,600	28/05/2021	1,146	8,158	20,173	32%	16%	6.6	2.1	30%
GVR		HOSE	34,950	40,200	28/05/2021	4,906	1,042	13,121	9%	6%	38.6	3.1	3%
SZC		HOSE	38,200	44,500	28/05/2021	202	2,025	13,476	15%	3%	22.0	3.3	0%
KBC		HOSE	39,000	47,200	28/05/2021	1,682	3,251	25,883	14%	6%	14.5	1.5	0%
REE		HOSE	56,500	62,100	28/05/2021	1,937	5,984	45,456	14%	9%	10.4	1.4	0%

Bản tin này được cung cấp bởi Phòng phân tích – CTCP chứng khoán Phú Hưng. Tất cả những thông tin đều được thu thập từ các nguồn đáng tin cậy. Tuy nhiên do thị trường chứng khoán còn chịu ảnh hưởng bởi nhiều nhân tố phức tạp và khó dự báo nên quý nhà đầu tư cần tự chịu trách nhiệm về các hoạt động đầu tư của mình.

ANV		HOSE	32,350	26,000	27/05/2021	281	2,202	18,506	12%	6%	11.8	1.4	-
VHC		HOSE	43,600	48,900	27/05/2021	951	5,188	31,003	12%	17%	9.4	1.6	-
FMC		HOSE	36,800	43,900	27/05/2021	236	4,014	21,355	17%	12%	10.0	1.9	-
MPC		UPCOM	38,900	44,700	27/05/2021	762	3,811	27,801	14%	8%	11.7	1.6	-
IMP		HOSE	80,500	63,700	27/05/2021	241	3,611	27,902	13%	11%	17.7	2.3	-
DHG		HOSE	95,600	100,400	27/05/2021	742	5,676	28,774	20%	16%	18.1	3.6	30%
FRT		HOSE	26,900	37,700	26/05/2021	113	1,426	15,852	5%	1%	26.5	2.4	10%
DGW		HOSE	125,500	155,000	26/05/2021	448	10,410	36,323	29%	12%	14.9	4.3	20%
PNJ		HOSE	97,400	116,000	26/05/2021	1,538	6,762	27,589	25%	16%	17.2	4.2	20%
MWG		HOSE	143,700	168,000	26/05/2021	6,019	12,654	43,999	29%	11%	13.4	3.8	15%
SAB		HOSE	171,900	182,900	26/05/2021	4,985	7,369	36,116	21%	17%	26.6	5.1	35%
MSN		HOSE	106,400	104,500	26/05/2021	2,784	2,382	16,687	16%	3%	43.9	6.3	-
VNM		HOSE	89,700	128,000	26/05/2021	10,488	4,972	16,501	30%	20%	25.8	7.8	45%
TCM		HOSE	91,300	82,800	17/05/2021	287	4,630	28,532	16%	9%	17.9	2.9	-
STK		HOSE	39,950	41,000	17/05/2021	187	2,211	14,974	15%	10%	18.6	2.7	-
NVL		HOSE	119,100	104,600	13/05/2021	4,369	4,389	29,673	13%	3%	23.8	3.5	-
VGG		UPCOM	43,000	55,500	13/05/2021	187	4,249	41,384	10%	4%	13.1	1.3	20%
VCB		HOSE	112,600	118,300	10/05/2021	22,986	6,198	32,887	21%	2%	19.1	3.6	-
ACB		HOSE	36,350	39,800	10/05/2021	9,253	4,281	21,066	24%	2%	7.6	1.4	-
TCB		HOSE	51,600	51,300	10/05/2021	15,741	4,497	25,278	19%	3%	11.4	2.0	-
GEG		HOSE	17,300	21,200	07/05/2021	388	1,273	12,788	10%	4%	16.8	1.7	4%
BMP		HOSE	59,500	66,900	06/05/2021	551	6,735	32,184	21%	17%	9.9	2.1	43%
CTD		HOSE	65,400	69,200	29/04/2021	593	7,960	112,448	7%	4%	8.7	0.7	10%
FPT		HOSE	85,200	91,800	14/04/2021	5,036	4,730	26,109	25%	11%	19.4	3.5	20%
VGS		HNX	18,900	24,600	13/04/2021	171	3,623	25,974	20%	5%	7.5	1.4	10%
SMC		HOSE	37,900	37,200	13/04/2021	313	4,961	17,978	20%	8%	6.8	1.4	10%
ACV		UPCOM	75,600	85,600	09/04/2021	3,027	1,390	17,759	8%	5%	60.6	4.7	6%
PLX		HOSE	56,500	64,800	31/03/2021	4,563	3,668	17,545	18%	7%	17.7	3.7	30%
SBT		HOSE	20,900	30,000	25/03/2021	744	1,165	13,578	9%	4%	25.8	2.2	5%
QNS		UPCOM	40,200	48,000	16/03/2021	1,043	1,491	20,653	14%	8%	32.2	2.3	-
GAS		HOSE	98,000	102,000	05/03/2021	10,892	5,691	27,913	20%	15%	18.0	3.7	35%
MSH		HOSE	64,000	56,300	03/03/2021	336	6,721	30,835	22%	12%	8.4	1.8	-
TNG		HOSE	23,100	23,800	19/02/2021	198	2,671	16,167	17%	5%	8.9	1.5	-

Bản tin này được cung cấp bởi Phòng phân tích – CTCP chứng khoán Phú Hưng. Tất cả những thông tin đều được thu thập từ các nguồn đáng tin cậy. Tuy nhiên do thị trường chứng khoán còn chịu ảnh hưởng bởi nhiều nhân tố phức tạp và khó dự báo nên quý nhà đầu tư cần tự chịu trách nhiệm về các hoạt động đầu tư của mình.

GIL		HOSE	58,200	54,800	05/02/2021	317	8,813	43,186	20%	10%	6.2	1.3	-
BSR		UPCOM	21,400	12,900	05/02/2021	1,337	431	10,444	4%	2%	29.9	1.2	0%
GTN		HOSE	18,650	36,290	29/01/2021	303	621	16,074	7%	8%	58.4	2.3	0%
LHG		HOSE	42,150	30,400	19/01/2021	180	3,601	26,394	11%	6%	8.1	1.0	-
CTR		UPCOM	71,900	78,800	19/01/2021	223	3,172	14,460	23%	6%	21.1	4.6	10%
POW		HOSE	12,150	14,700	19/01/2021	2,837	1,055	14,071	9%	5%	13.9	1.0	3%

\* Giá mục tiêu chưa điều chỉnh cổ tức sau ngày báo cáo.

\*\* Tỷ lệ cổ tức dự kiến năm 2021 trên mệnh giá.

## **Đảm bảo phân tích**

Mỗi nhân viên phụ trách về phân tích, chiến lược hay nghiên cứu chịu trách nhiệm cho sự chuẩn bị và nội dung của tất cả các phần có trong bản báo cáo nghiên cứu này đảm bảo rằng, tất cả các ý kiến của những người phân tích, chiến lược hay nghiên cứu đều phản ánh trung thực và chính xác ý kiến cá nhân của họ về những vấn đề trong bản báo cáo. Mỗi nhân viên phân tích, chiến lược hay nghiên cứu đảm bảo rằng họ không được hưởng bất cứ khoản chi trả nào trong quá khứ, hiện tại cũng như tương lai liên quan đến các khuyến cáo hay ý kiến thể hiện trong bản báo cáo này.

## **Định nghĩa xếp loại**

**Overweight (OW)** =cao hơn thị trường nội địa trên 10%

**Neutral (N)** =bằng thị trường nội địa với tỷ lệ từ +10%~ -10%

**Underweight (UW)** =thấp hơn thị trường nội địa dưới 10%.

**Not Rated (NR)** = cổ phiếu không được xếp loại trong Phú Hưng hoặc chưa niêm yết.

Biểu hiện được xác định bằng tổng thu hồi trong 12 tháng (gồm cả cổ tức).

## **Miễn trách**

Thông tin này được tổng hợp từ các nguồn mà chúng tôi cho rằng đáng tin cậy, nhưng chúng tôi không chịu trách nhiệm về sự hoàn chỉnh hay tính chính xác của nó. Đây không phải là bản chào hàng hay sự nài khẩn mua của bất cứ cổ phiếu nào. Chứng khoán Phú Hưng và các chi nhánh và văn phòng và nhân viên của mình có thể có hoặc không có vị trí liên quan đến các cổ phiếu được nhắc tới ở đây. Chứng khoán Phú Hưng (hoặc chi nhánh) đôi khi có thể có đầu tư hoặc các dịch vụ khác hay thu hút đầu tư hoặc các hoạt động kinh doanh khác cho bất kỳ công ty nào được nhắc đến trong báo cáo này. Tất cả các ý kiến và dự đoán có trong báo cáo này được tạo thành từ các đánh giá của chúng tôi vào ngày này và có thể thay đổi không cần báo trước.

## **© Công ty Cổ phần Chứng khoán Phú Hưng (PHS).**

Tòa nhà CR3-03A, Tầng 3, 109 Tôn Dật Tiên, Phường Tân Phú, Quận 7, Tp. HCM

Điện thoại: (84-28) 5 413 5479

Fax: (84-28) 5 413 5472

Customer Service: (84-28) 5 411 8855

Call Center: (84-28) 5 413 5488

E-mail: [info@phs.vn](mailto:info@phs.vn) / [support@phs.vn](mailto:support@phs.vn)

Web: [www.phs.vn](http://www.phs.vn)

### **PGD Phú Mỹ Hưng**

Tòa nhà CR2-08, 107 Tôn Dật Tiên, Phường Tân Phú, Quận 7, Tp. HCM

Điện thoại: (84-28) 5 413 5478

Fax: (84-28) 5 413 5473

### **Chi nhánh Quận 3**

Tầng 2, Tòa nhà Phương Nam, 157 Võ Thị Sáu, Phường 6, Quận 3, Tp. HCM

Điện thoại: (84-28) 3 820 8068

Fax: (84-28) 3 820 8206

### **Chi Nhánh Thanh Xuân**

Tầng 5, Tòa nhà UDIC Complex, N04 Hoàng Đạo Thúy, Phường Trung Hòa, Quận Cầu Giấy, Hà Nội.

Phone: (84-24) 6 250 9999

Fax: (84-24) 6 250 6666

### **Chi nhánh Tân Bình**

Tầng trệt, P. G.4A, Tòa nhà E-Town 2, 364 Cộng Hòa, Phường 13, Quận Tân Bình, Tp.HCM.

Điện thoại: (84-28) 3 813 2401

Fax: (84-28) 3 813 2415

### **Chi Nhánh Hà Nội**

Tầng 5, Tòa nhà Vinafor, 127 Lò Đúc, Quận Hai Bà Trưng, Hà Nội

Phone: (84-24) 3 933 4566

Fax: (84-24) 3 933 4820

### **Chi nhánh Hải Phòng**

Tầng 2, Tòa nhà Eliteco, 18 Trần Hưng Đạo, Quận Hồng Bàng, Hải Phòng

Phone: (84-225) 384 1810

Fax: (84-225) 384 1801

### **Chi nhánh Quận 1**

Phòng 1003A, Tầng 10, Tòa nhà Ruby, 81-83-83B-85 Hàm Nghi, Phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1, Tp. HCM

Điện thoại: (84-28) 3 535 6060

Fax: (84-28) 3 535 2912

Bản tin này được cung cấp bởi Phòng phân tích – CTCP chứng khoán Phú Hưng. Tất cả những thông tin đều được thu thập từ các nguồn đáng tin cậy. Tuy nhiên do thị trường chứng khoán còn chịu ảnh hưởng bởi nhiều nhân tố phức tạp và khó dự báo nên quý nhà đầu tư cần tự chịu trách nhiệm về các hoạt động đầu tư của mình.